TRUONG THANH ALUMINUM

SONG HÀNH HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

GOLD DOOR

Giữ trọn mái ấm gia đình Việt

CÔNG TY TNHH SX NHÔM TRƯỜNG THÀNH

ĐC: Lô CN 1B Cụm CN Quất Động - Thường Tín - Hà Nội

Email: truongthanhnhomhe2016@gmail.com

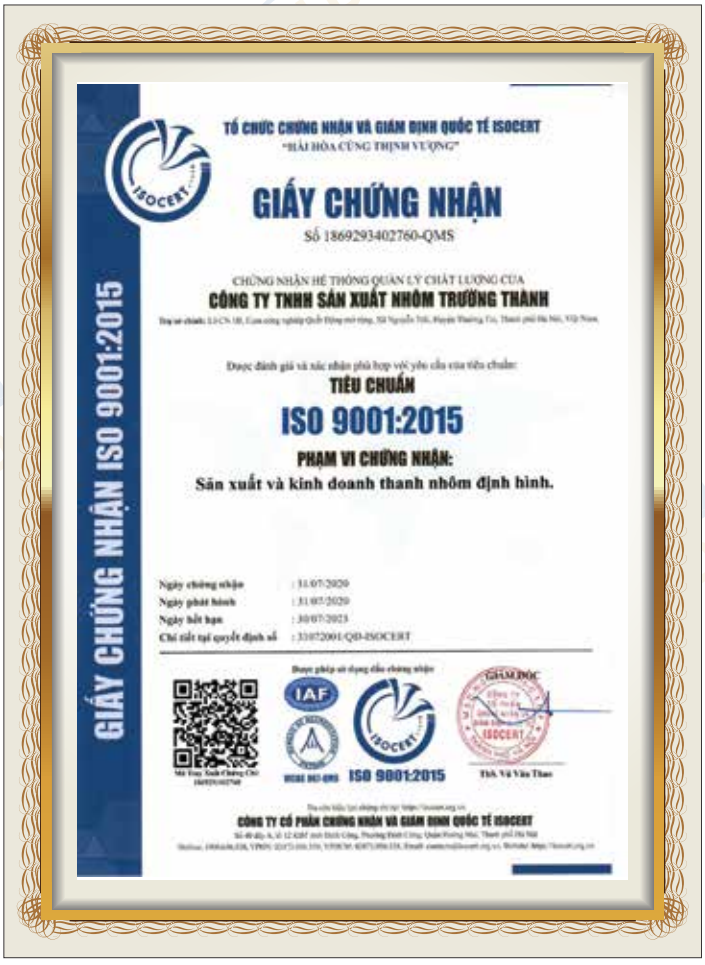
Website: www.xingfatruongthanh.com ĐT: 024.32005625

KHO HÀNG PHÍA NAM

ĐC: 32B Nguyễn Văn Bứa - Xuân Thới Sơn
Hóc Môn - Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline: 0987 446 581

Hotline: 1900 0061



TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT
"HÀI HÒA CÙNG THỊNH VƯỢNG"

GIẤY CHỨNG NHẬN ISO 9001:2015

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 1869293402760-QMS

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CỦA

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT NHÔM TRƯỜNG THÀNH

Trụ sở chính: Lô CN 1B, Cụm công nghiệp Quất Động mở rộng, Xã Nguyễn Trãi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

TIÊU CHUẨN

ISO 9001:2015

PHẠM VI CHỨNG NHẬN:

Sản xuất và kinh doanh thanh nhôm định hình.

Ngày chứng nhận : 31/07/2020
Ngày phát hành : 31/07/2020
Ngày hết hạn : 30/07/2023
Chi tiết tại quyết định số : 31072001/QĐ-ISOCERT

Được phép sử dụng dấu chứng nhận

IAF ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC
ISOCERT
ThS. Vũ Văn Thao

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT



TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT
"HÀI HÒA CÙNG THỊNH VƯỢNG"

GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 1869293402760-PRO

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM:

THANH NHÔM ĐỊNH HÌNH

ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT NHÔM TRƯỜNG THÀNH

Trụ sở chính: Lô CN 1B, Cụm công nghiệp Quất Động mở rộng, Xã Nguyễn Trãi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

QCVN 16:2019/BXD

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017.

Ngày chứng nhận : 31/07/2020
Ngày phát hành : 31/07/2020
Ngày hết hạn : 30/07/2023
Chi tiết tại quyết định số : 31072014/QĐ-ISOCERT

Được phép sử dụng dấu chứng nhận

ISOCERT QCVN 16:2019/BXD

GIÁM ĐỐC
ISOCERT
ThS. Vũ Văn Thao

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH

THƯƠNG HIỆU VÀNG THĂNG LONG
DOANH NHÂN TIÊU BIỂU
NĂM 2018

Chứng nhận

Thương hiệu:

GOLD DOOR

CÔNG TY TNHH NHÔM TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quất Động, X. Nguyễn Trãi, H. Thường Tín, Hà Nội

Đạt Top 10

THƯƠNG HIỆU VÀNG THĂNG LONG NĂM 2018

TM. BAN TỔ CHỨC
HỘI CHỨNG NHẬN GIÁ TRỊ VÀ BẢO VỆ THƯƠNG HIỆU TP HN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Khoa



Quatest 1

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu thử (Sample): MẪU THANH NHÔM ĐỊNH HÌNH 6060(T5 TRƯỜNG THÀNH
2. Khách hàng (Client): CÔNG TY TNHH NHÔM TRƯỜNG THÀNH
3. Số lượng mẫu (Quantity): 01
4. Tình trạng mẫu (Observation): Kim tính thích hợp
5. Ngày nhận mẫu (Reception date): 07/10/2019
6. Thời gian thử nghiệm (Time of testing): 10/10/2019

TT (Items)	TÊN CHỈ TIÊU (Specification)		PHƯƠNG PHÁP THỬ (Test method)	KẾT QUẢ (Results)
1	Cơ tính - Mechanical properties:		TCVN 197-1:2014	
	• Giới hạn chảy - Yield strength:	MPa		192
	• Độ bền kéo đứt - Tensile strength:	MPa		229
	• Độ giãn dài tương đối - Elongation:	%		12,0
	• Độ cứng - Hardness:	HV5	TCVN 258-1:2007 ASTM E18:15-2017	67
2	Thành phần hóa học: Chemical composition:	%		
	• Silicon	Si		0,5320
	• Iron	Fe		0,3470
	• Copper	Cu		0,1480
	• Manganese	Mn		0,1176
	• Magnesium	Mg		0,4540
	• Zinc	Zn		0,0877
	• Titanium	Ti		0,0160
	• Chromium	Cr		0,0100
	• Nickel	Ni		0,0142
	• Lead	Pb		0,0013
	• Tin	Sn		0,0085
	• Zirconium	Zr		0,0019
	• Vanadium	V		0,0125
	• Cobalt	Co		0,0011
	• Aluminum	Al		98,1656

NHẬN XÉT: Phù hợp với mác nhôm 6063-T5 theo JIS H4100
REMARK: Conform to Aluminum Grade 6063-T5 of JIS H4100

Hà Nội, ngày 11/10/2019

PT. PHÒNG THỬ NGHIỆM 1
Head of Lab.1

Bùi Thành Nam

KT. GIÁM ĐỐC / Director

Nguyễn Ngọc Chiến

GOLD DOOR

CÔNG TY TNHH SX NHÔM TRƯỜNG THÀNH

ĐC: Lô CN 1B Cụm CN Quất Động - Thường Tín - Hà Nội

Email: truongthanhnhomhe2016@gmail.com

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

GOLD DOOR - DUNICA

Nhôm Chất Lượng Cao, Chống Ồn, Cách Nhiệt, Tiết Kiệm, Trường Tồn với Thời Gian

- Nhà máy nhôm Trường Thành diện tích 25ha được xây dựng năm 2016 với đội ngũ chuyên gia nước ngoài và kĩ sư chuyên ngành đùn ép có kinh nghiệm tạo ra các sản phẩm thanh nhôm rất đa dạng phong phú về màu sắc, ổn định về chất lượng. Các dây chuyền đùn ép và phun sơn tĩnh điện đều được nhập khẩu của **TAIWAN** và **WAGNER - GERMANY**. Với công nghệ tiên tiến và hiện đại nhất hiện nay đảm bảo được sự ổn định và sản lượng đủ cho khách hàng.
- Sản phẩm bao gồm hệ: XINGFA - GD55 - XF GM55 - HỆ THỦY LỰC - HỆ TRƯỢT QUAY - VIỆT PHÁP - TỦ NỘI THẤT - CHẤN SONG CỬA SỔ - LAN CHẮN NẮNG - MẶT DỰNG THÔNG TẦNG - NHÔM CÔNG NGHIỆP.... được sản xuất từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu 6063T5 đảm bảo đúng tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 và QCVN 16: 2019/BXD.
- Với dây chuyền sản xuất tiên tiến và hiện đại bậc nhất hiện nay cho ra các sản phẩm thanh nhôm sáng bóng, bền đẹp, màu sắc đa dạng, cách âm, cách nhiệt tốt phù hợp với khí hậu thời tiết Việt Nam.
- Sản phẩm của chúng tôi được sử dụng rộng rãi cho các công trình xây dựng cao cấp resort, chung cư, hộ gia đình... vân gỗ nhiều màu phong phú khách hàng dễ chọn lựa và được đảm bảo độ bền màu từ 5 - 20 năm.

Website: www.xingfatruongthanh.com

ĐT: 024.32005625

– "Giữ trọn mái ấm gia đình Việt" –

GOLD DOOR

XINGFA TRUONGTHANH ALUMINUM

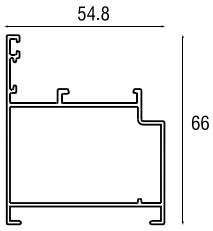
ĐẲNG CẤP VƯỢT THỜI GIAN



GOLD DOOR

HỆ XINGFA GOLD DOOR LIỀN SẬP

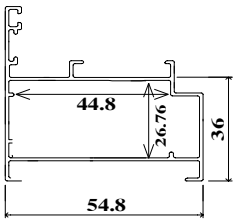
KHUNG CỬA ĐI
XF 3328



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.0 ly	4.6 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.2 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.42 kg/6m (±5%)
Độ dày 2 ly	7.18 kg/6m (±5%)

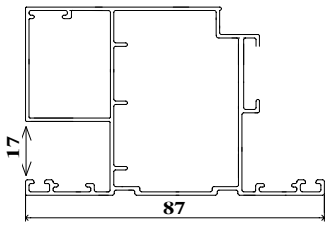
KHUNG BAO DÙNG CHUNG
KB60K



Quy cách đóng: thanh/ bó

Độ dày 1.2 ly	4.039 kg/6m (±5%)

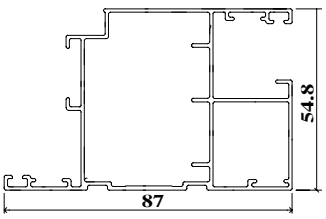
CÁNH ĐI MỞ NGOÀI LIỀN SẬP
XF3303K



Quy cách đóng: thanh/ bó

Độ dày 1.2 ly	6.396 kg/6m (±5%)

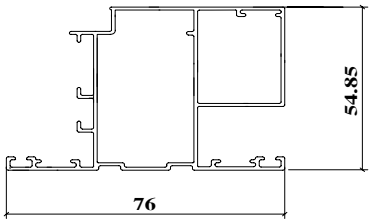
CÁNH ĐI MỞ TRONG LIỀN SẬP
XF3332K



Quy cách đóng: thanh/ bó

Độ dày 1.2 ly	6.44 kg/6m (±5%)

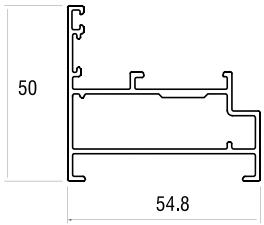
CÁNH SỔ LIỀN SẬP
XF3202K



Quy cách đóng: thanh/ bó

Độ dày 1.2 ly	5.815 kg/6m (±5%)

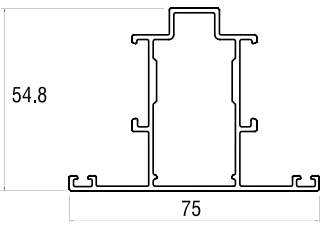
KHUNG CỬA SỔ
XF 3318



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.0 ly	4.02 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	4.57 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.03 kg/6m (±5%)

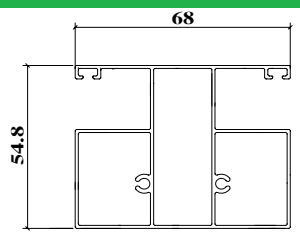
ĐỐ CHIA KHUNG CỬA ĐI T KHUNG
XF 3313



Quy cách đóng: 04 thanh/ bó

Độ dày 1.0 ly	5.2 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.3 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	6.0 kg/6m (±5%)

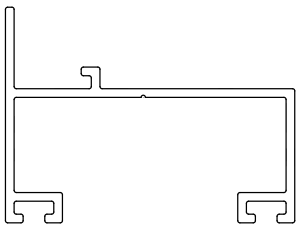
ĐỐ CHIA CÁNH LIỀN SẬP
XF3203K



Quy cách đóng: thanh/ bó

Độ dày 1.2 ly	6.532 kg/6m (±5%)

ỐP CHÂN L
XF 3329L



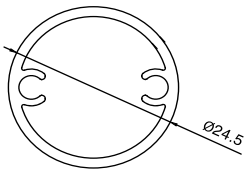
Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Độ dày 1.4 ly	2.388 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

HỆ CHẤN SONG KHUÔN KÉP CÁNH LỀ 4D,3D

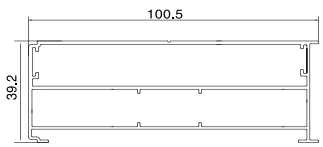
THANH CHẤN SONG



Quy cách đóng: 10 thanh/bó

Mã số	TT-CS07
Độ dày	1.5 mm
Tỷ trọng	2.021 kg/6m (±5%)

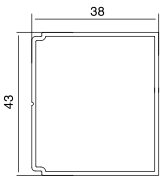
HỘP NỐI KHUNG



Quy cách đóng: 2 thanh/bó

Mã số	TT-CS08
Độ dày	1.2 mm
Tỷ trọng	7.148 kg/6m (±5%)

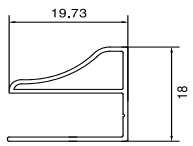
HỘP CHIA VÁCH



Quy cách đóng: 6 thanh/bó

Mã số	TT-CS09
Độ dày	1.2 mm
Tỷ trọng	3.028 kg/6m (±5%)

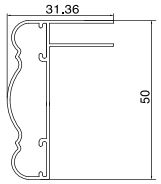
PHÀO U



Quy cách đóng: 20 thanh/bó

Mã số	TT-CS04
Độ dày	0.8 mm
Tỷ trọng	0.955 kg/6m (±5%)

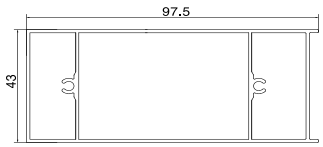
PHÀO NẸP



Quy cách đóng: 10 thanh/bó

Mã số	TT-CS05
Độ dày	0.9 mm
Tỷ trọng	2.329 kg/6m (±5%)

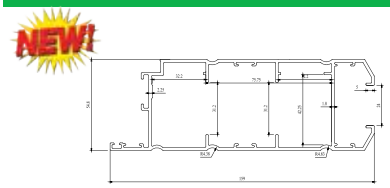
NỐI VÁCH



Quy cách đóng: 2 thanh/bó

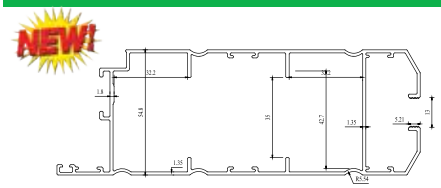
Mã số	TT-CS06
Độ dày	1.2 mm
Tỷ trọng	7.204 kg/6m (±5%)

CÁNH ĐI 160 KÍNH HỘP



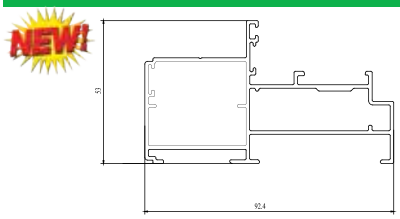
Mã số	TT-XF3333
Độ dày	1.8 mm
Tỷ trọng	14.78 kg/6m (±5%)

CÁNH ĐI 160

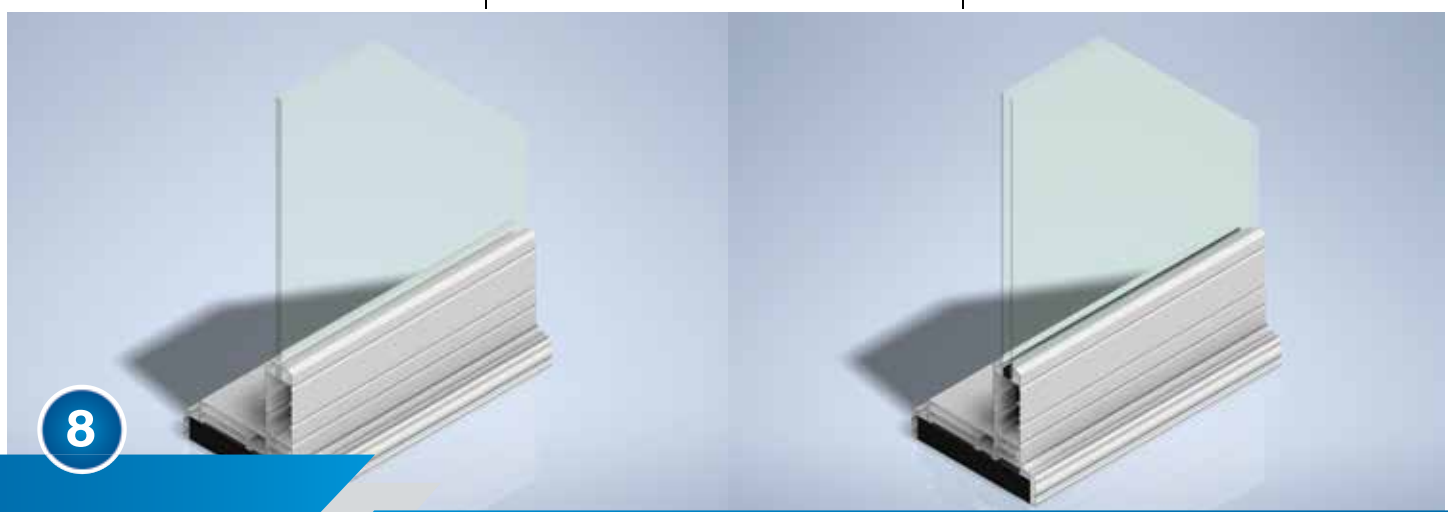


Mã số	TT-XF3334
Độ dày	1.4 mm
Tỷ trọng	12 kg/6m (±5%)

KHUNG HỘP TƯỜNG PHÀO



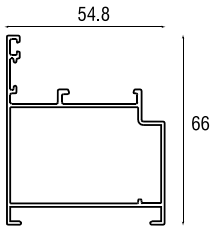
Mã số	TT-XF3335
Độ dày	1.3mm
Tỷ trọng	8.2 kg/6m (±5%)



GOLD DOOR

XINGFA TRUONGTHANH

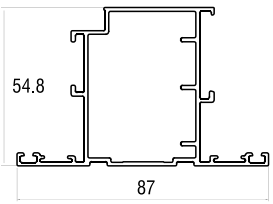
KHUNG CỬA ĐI
XF 3328



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1 ly	4.6 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.2 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.42 kg/6m (±5%)
Độ dày 2 ly	7.18 kg/6m (±5%)

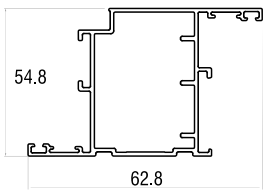
CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI
XF 3303



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1 ly	5.9 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	6.5 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	6.72 kg/6m (±5%)
Độ dày 2 ly	8.5 kg/6m (±5%)

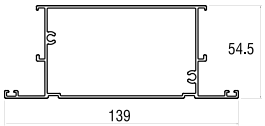
CÁNH CỬA ĐI MỞ TRONG
XF 3332



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1 ly	6.0 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	6.3 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	6.76 kg/6m (±5%)
Độ dày 2 ly	8.42 kg/6m (±5%)

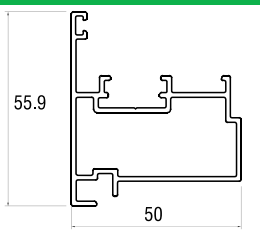
THANH NGANG DƯỚI CỬA ĐI
XF 3304



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Độ dày 1.2 ly	8.07 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	9.41 kg/6m (±5%)
Độ dày 2 ly	11.92 kg/6m (±5%)

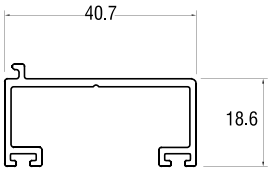
ĐỐ ĐỘNG CÁNH CỬA ĐI
XF 2903



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.2 ly	4.88 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.3 kg/6m (±5%)

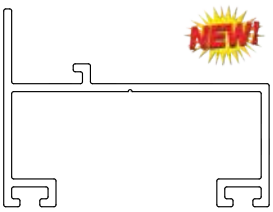
ỐP CHÂN XFA
XF 3329



Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Độ dày 1.4 ly	2.37 kg/6m (±5%)

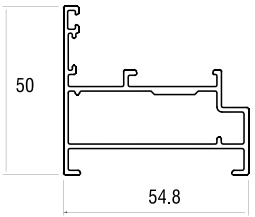
XF 3329L



Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Độ dày 1.4 ly	2.388 kg/6m (±5%)

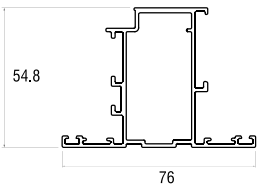
KHUNG CỬA SỔ
XF 3318



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.0 ly	4.02 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	4.57 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.03 kg/6m (±5%)

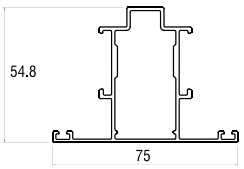
CÁNH CỬA SỔ
XF 3202



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.0 ly	5.08 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.72 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	6.23 kg/6m (±5%)

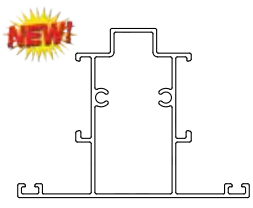
ĐỐ CHIA KHUNG CỬA ĐI T KHUNG
XF 3313



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.0 ly	5.2 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.3 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	6.0 kg/6m (±5%)

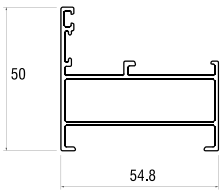
XF 3313V



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.0 ly	4.91 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	5.3 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.9 kg/6m (±5%)

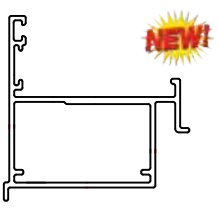
KHUNG VÁCH
XF 3209



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.0 ly	4.2 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.2 ly	4.34 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	4.73 kg/6m (±5%)

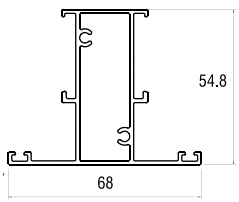
KHUNG BAO CHUYỂN HƯỚNG
XF 3208



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.2 ly	4.2 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	4.672 kg/6m (±5%)

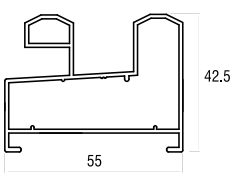
T CHIA VÁCH
XF 3203



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.2 ly	5.02 kg/6m (±5%)
Độ dày 1.4 ly	5.6 kg/6m (±5%)

KHUNG BAO CỬA LÙA
XF 3322



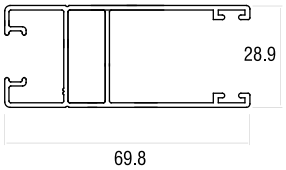
Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.2 ly	4.64 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

XINGFA TRUONGTHANH

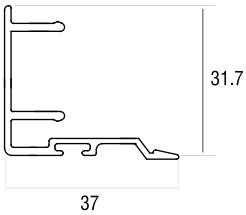
KHUNG BAO CỬA LÙA



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	XF 3323
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	4.3 kg/6m (±5%)

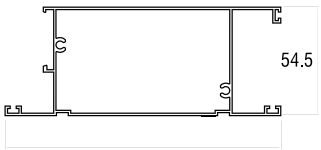
MÓC CÁNH LÙA



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	XF 3324
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.78 kg/6m (±5%)

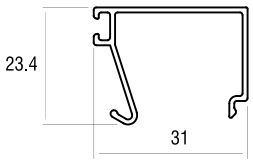
THANH NGANG DƯỚI CỬA ĐI



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	XF 3304A
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	8.9 kg/6m (±5%)

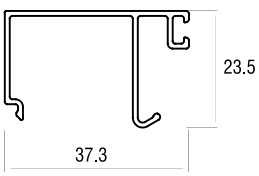
SẬP KHUNG



Quy cách đóng: 12 thanh/ bó

Mã số	XF 3296
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	1.41 kg/6m (±5%)

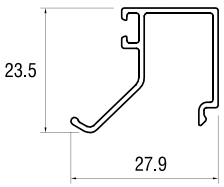
SẬP CÁNH



Quy cách đóng: 12 thanh/ bó

Mã số	XF 3295
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	1.62 kg/6m (±5%)

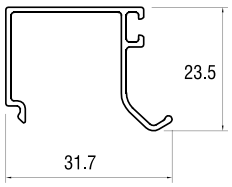
SẬP KHUNG



Quy cách đóng: 12 thanh/ bó

Mã số	XF 3225
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	1.30 kg/6m (±5%)

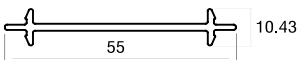
SẬP KÍNH HỘP



Quy cách đóng: 12 thanh/ bó

Mã số	XF 3236
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	1.38 kg/6m (±5%)

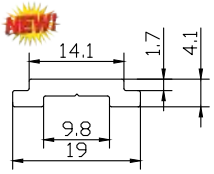
NỐI KHUNG



Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	XF 3300
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	1.75 kg/6m (±5%)

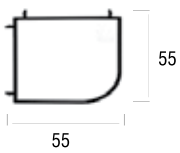
XÒ ĐẨY c 459



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	XF 3326
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	4.116 kg/6m (±5%)

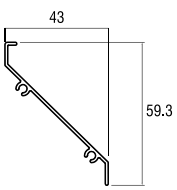
BẺ GÓC 90⁰



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	XF 3326
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	4.3 kg/6m (±5%)

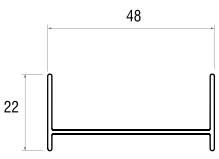
LÁ CHỚP TO



Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	192
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.91 kg/6m (±5%)

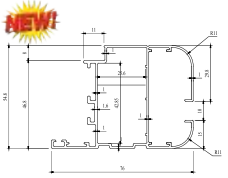
KHUNG BAO CHỚP



Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	1283
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.8 kg/6m (±5%)

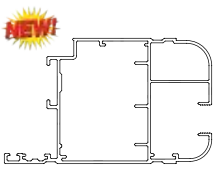
CÁNH SỔ LIỀN SẬP 3202LS



Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	3202LS
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.734 kg/6m (±5%)

CÁNH ĐI LIỀN SẬP 3203LS

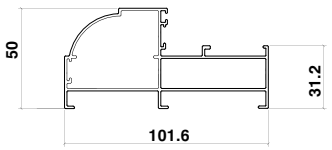


Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	3202LS
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.734 kg/6m (±5%)

HỆ LÙA XINGFA

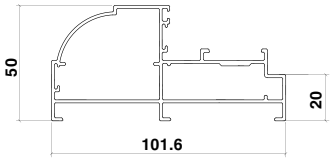
KHUNG VÁCH KÍNH BẦU BẢN 100



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	XF38039
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	7.33 kg/6m (±5%)

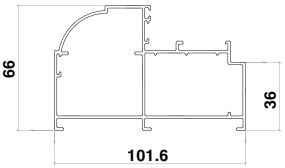
KHUNG CỬA SỔ BẦU BẢN 100



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	XF38038
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	8.16 kg/6m (±5%)

KHUNG CỬA ĐI BẦU BẢN 100

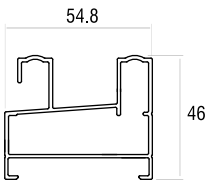


Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	XF38019	XF38019
Độ dày	1.4 ly	2.0 ly
Tỷ trọng	9.36 kg/5.9m (±5%)	12.49 kg/6m (±5%)

MẶT CẮT KỸ THUẬT HỆ CỬA LÙA XINGFA

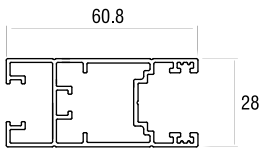
KHUNG BAO LÙA



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	D23151 - 1.2
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	5.088 kg/6m (±5%)

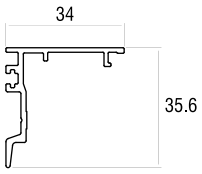
CÁNH LÙA



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	D23156 - 1.2
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	5.064 kg/6m (±5%)

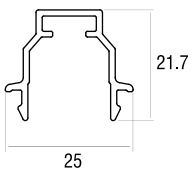
ỐP LÙA



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	D23157
Độ dày	1.3 ly
Tỷ trọng	2.07 kg/6m (±5%)

ĐỐI ĐẦU LÙA



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	D23158
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.332 kg/6m (±5%)







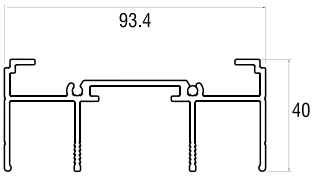


GOLD DOOR

XINGFA TRUONGTHANH

HỆ LÙA 93

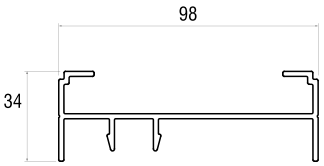
KHUNG BAO NGANG TRÊN



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	XF 1541
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	6.8 kg/6m (±5%)

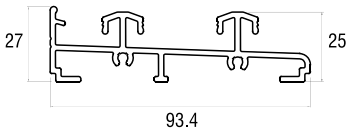
KHUNG BAO ĐỨNG



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	XF 1543
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	5.5 kg/6m (±5%)

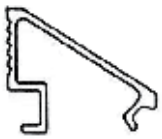
KHUNG BAO NGANG DƯỚI



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	XF 1941
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	7.1 kg/6m (±5%)

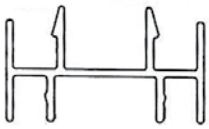
NẸP KÍNH



Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	C101
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	0.798 kg/6m (±5%)

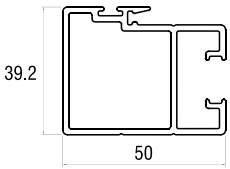
NẸP ĐỐI ĐẦU CỬA 4 CÁNH



Quy cách đóng: 8 thanh/ bó

Mã số	1548A
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	2.688 kg/6m (±5%)

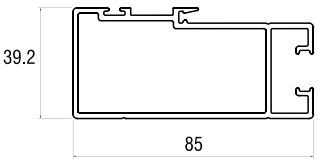
CÁNH ĐỨNG MÓC
XF 1547



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.4 ly	4.6 kg/6m (±5%)
Độ dày 2 ly	6.316 kg/6m (±5%)

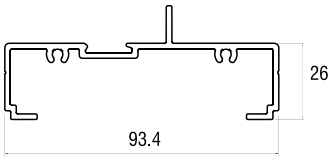
CÁNH ĐỨNG MÓC TO



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	XF 28127
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	8.576 kg/6m (±5%)

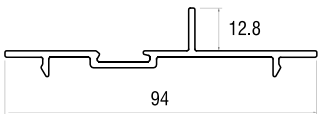
KHUNG BAO NGANG VÁCH KÍNH



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	XF 1559
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	6.178 kg/6m (±5%)

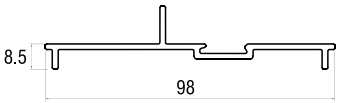
NỐI KHUNG VÁCH KÍNH



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	XF 1578
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	3.9 kg/6m (±5%)

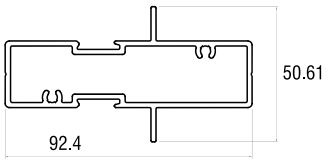
NỐI KHUNG VÁCH KÍNH



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	XF 1549
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	4.1 kg/6m (±5%)

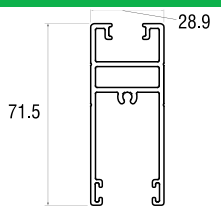
ĐỐ CỐ ĐỊNH CHO VÁCH KÍNH
XF 2618



Quy cách đóng: 3 thanh/ bó

Độ dày 1.4 ly	6.7 kg/6m (±5%)
Độ dày 2 ly	8.809 kg/6m (±5%)

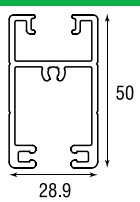
CÁNH NGANG DƯỚI BÊN NGOÀI
XF 1555



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.4 ly	5.5 kg/6m (±5%)
Độ dày 2 ly	7.183 kg/6m (±5%)

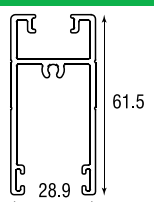
CÁNH NGANG TRÊN
XF 1544



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.4 ly	4.5 kg/6m (±5%)
Độ dày 2 ly	5.764 kg/6m (±5%)

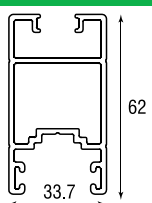
CÁNH NGANG DƯỚI BÊN TRONG



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	XF 1545
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	5.790 kg/6m (±5%)

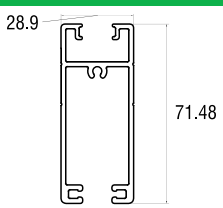
CÁNH ĐỨNG BÊN
XF 1546



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Độ dày 1.4 ly	6.0 kg/6m (±5%)
Độ dày 2 ly	7.336 kg/6m (±5%)

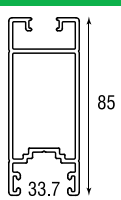
CÁNH NGANG TRÊN



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	XF 26144
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	7.1 kg/6m (±5%)

CÁNH ĐỨNG BÊN



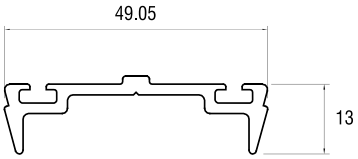
Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	XF 26146
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	8.751 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

HỆ MẶT DỰNG 52

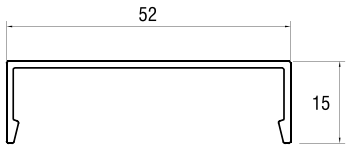
ĐẾ ỐP MẶT NGOÀI



Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	MD - 5201
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	2.888 kg/6m (±5%)

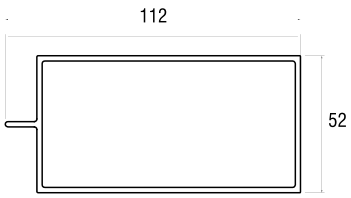
NẮP ĐẬY BÊN NGOÀI



Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	MD - 5202
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	1.623 kg/6m (±5%)

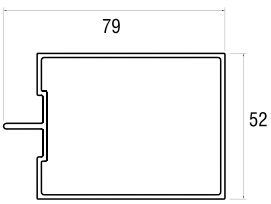
THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

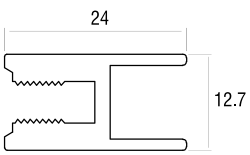
Mã số	MD - 5212
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	10.026 kg/6m (±5%)

THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

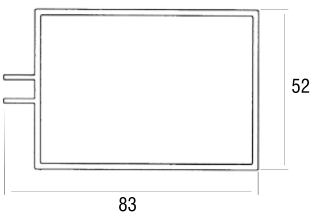
Mã số	MD - 5213
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	6.216 kg/6m (±5%)



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	MD - 5215
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	2.079 kg/6m (±5%)

THANH ĐỐ ĐỨNG

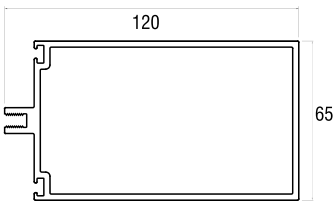


Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	MD - 5273M20
Độ dày	1.9 ly
Tỷ trọng	7.974 kg/6m (±5%)

HỆ MẶT DỰNG 65

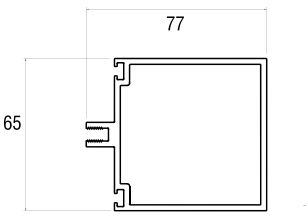
THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	MD - 6501
Độ dày	2.5 ly
Tỷ trọng	15.3 kg/6m (±5%)

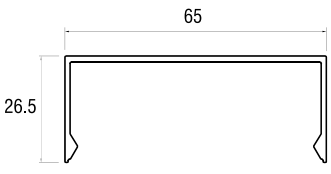
THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	MD - 6502
Độ dày	2.5 ly
Tỷ trọng	11.712 kg/6m(±5%)

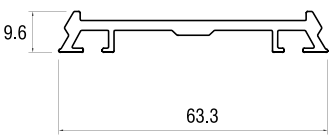
NẮP ĐẬY BÊN NGOÀI 65



Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	MD - 6503
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	2.82 kg/6m (±5%)

ĐẾ ÓP MẶT NGOÀI 65



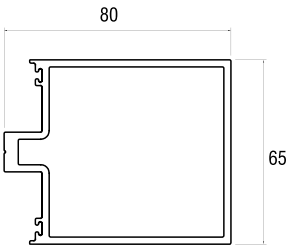
Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	MD - 6504
Độ dày	1.4 ly
Tỷ trọng	3.324 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

HỆ MẶT DỰNG 65

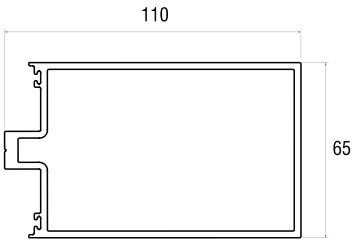
THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	MD - 6508
Độ dày	2.5 ly
Tỷ trọng	12.186 kg/6m (±5%)

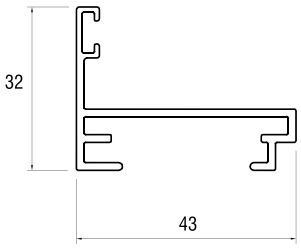
THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	MD - 6511
Độ dày	2.5 ly
Tỷ trọng	14.628 kg/6m (±5%)

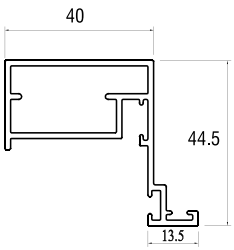
KHUNG



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	MD - 6004
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	2.664 kg/6m (±5%)

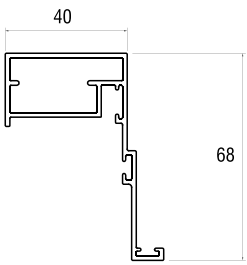
CÁNH LỘ ĐỐ



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

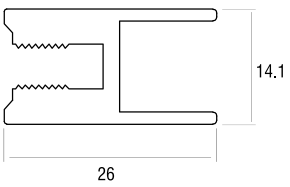
Mã số	MD - 6005
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	4.578 kg/6m (±5%)

CÁNH DẤU ĐỐ



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

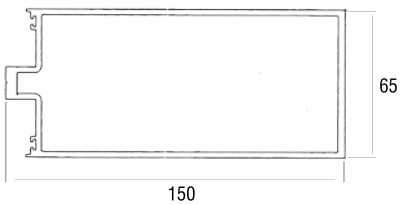
Mã số	MD - 6007
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	5.154 kg/6m (±5%)



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	MD - 6515
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	2.426 kg/6m (±5%)

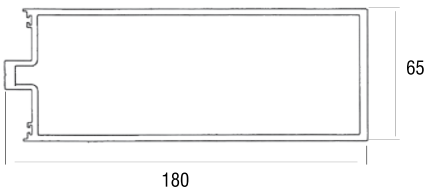
THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

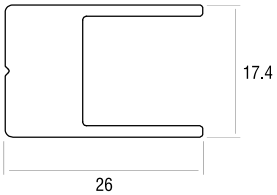
Mã số	MD - GK 513
Độ dày	2.5 ly
Tỷ trọng	18.300 kg/6m (±5%)

THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	MD - GK 561
Độ dày	3 ly
Tỷ trọng	24.701 kg/6m (±5%)



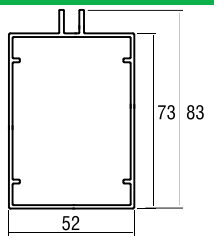
Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	MD - GK 601
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	3.633 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

HỆ MẶT DỰNG 1100

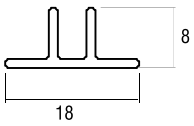
THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-MD06
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	7.662 kg/6m (±5%)

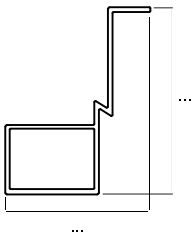
ỐP DẤU ĐỐ



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-MD08
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	0.61 kg/6m (±5%)

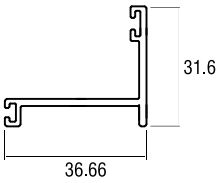
CÁNH DẤU ĐỐ



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-MD09
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	3.94 kg/6m (±5%)

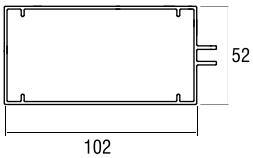
KHUNG



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-MD10
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	2.29 kg/6m (±5%)

THANH ĐỐ ĐỨNG



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-MD1100A
Độ dày	1.5 ly
Tỷ trọng	9.328 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

TRUONGTHANH ALUMINUM

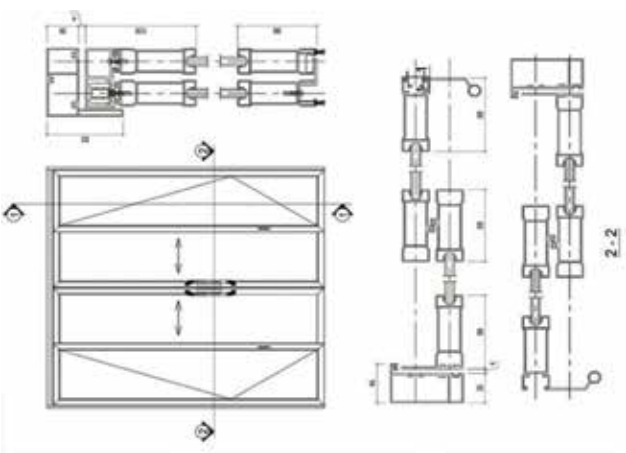








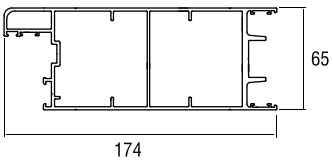




GOLD DOOR

HỆ THỦY LỰC CAO CẤP

CÁNH THỦY LỰC 180



Quy cách đóng: 1 thanh/ bó

Mã số	TT5-TL-01C
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	21.24 kg/6m (±5%)

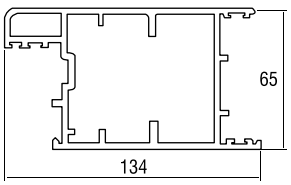
KHUNG THỦY LỰC 200



Quy cách đóng: 1 thanh/ bó

Mã số	TT-H55x200
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	16.25 kg/6m (±5%)

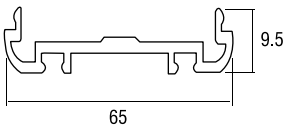
CÁNH THỦY LỰC



Quy cách đóng: 1 thanh/ bó

Mã số	TL 01
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	15.48 kg/6m (±5%)

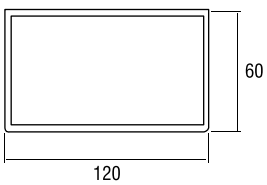
ỐP CÁNH



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TL 02
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.226 kg/6m (±5%)

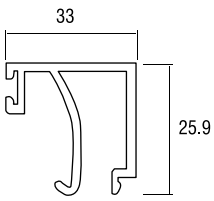
KHUNG BAO



Quy cách đóng: 1 thanh/ bó

Mã số	TL 03
Độ dày	2 ly
Tỷ trọng	11.148 kg/6m (±5%)

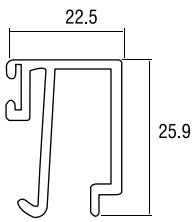
SẬP CÁNH



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	TL 04
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.418 kg/6m (±5%)

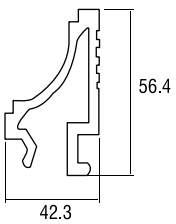
KÍNH HỘP



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	TL 05
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.142 kg/6m (±5%)

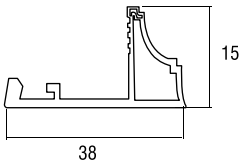
SẬP



Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	TL 06
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	0.42 kg/6m (±5%)

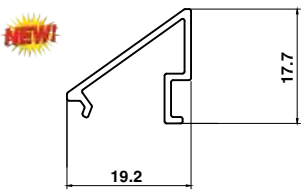
ĐẾ SẬP



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	TL 07
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.026 kg/6m (±5%)

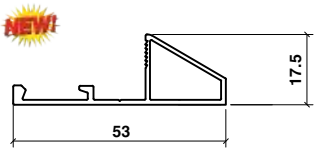
SẬP CẢI TIẾN



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TL06CT
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	0.813 kg/6m (±5%)

ĐẾ CẢI TIẾN



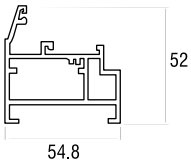
Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TL07CT
Độ dày	1.2 ly
Tỷ trọng	2.023 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

HỆ XINGFA GM 55

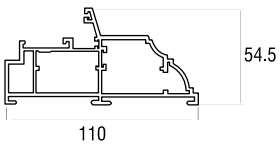
KHUNG BAO CỬA



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8801
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.0 kg/6m (±5%)

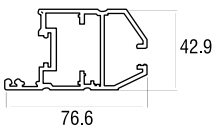
KHUNG BAO CỬA ĐI



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	TT 8801 DA
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	6.4 kg/6m (±5%)

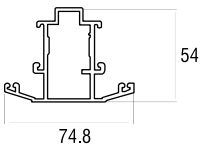
CÁNH CỬA SỔ LIỀN SẬP



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8802
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.1 kg/6m (±5%)

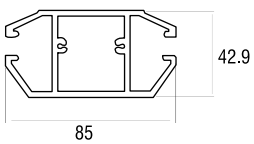
ĐỐ T KHUNG BAO



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8809
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.0 kg/6m (±5%)

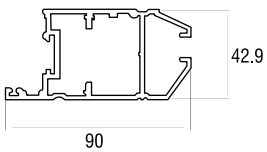
ĐỐ CÁNH CỬA ĐI



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8804
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.2 kg/6m (±5%)

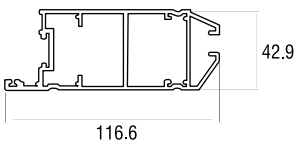
CÁNH CỬA ĐI LIỀN SẬP



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8805
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.5 kg/6m (±5%)

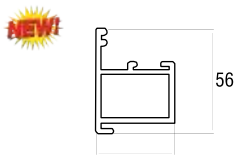
CÁNH CỬA ĐI



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8806
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	7.0 kg/6m (±5%)

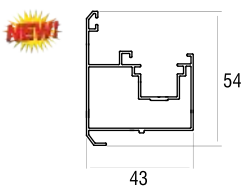
ĐỐ ĐỘNG BẰNG



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8812
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.42 kg/6m (±5%)

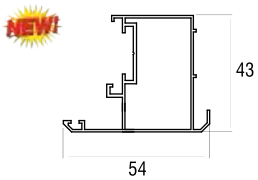
ĐỐ ĐỘNG SÂU



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	8812C
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	3.395 kg/6m (±5%)

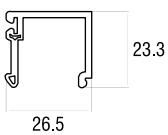
ĐỐ ĐỘNG VỪA



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	8812D
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	3.252 kg/6m (±5%)

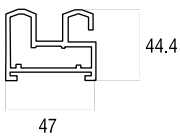
SẬP VUÔNG KHUNG BAO



Quy cách đóng: 18 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8820
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.37 kg/6m (±5%)

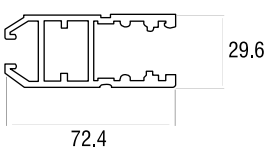
KHUNG BAO CỬA LÙA



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8822
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.1 kg/6m (±5%)

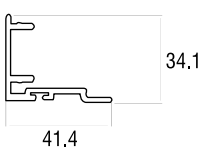
CÁNH CỬA LÙA



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8823
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.13 kg/6m (±5%)

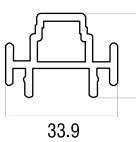
MÓC CÁNH CỬA LÙA



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8824
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.67 kg/6m (±5%)

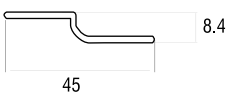
ĐỐI ĐẦU 4 CÁNH LÙA



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8825
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.05 kg/6m (±5%)

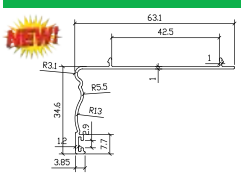
CHẮN NƯỚC LÙA



Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8826
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	0.8 kg/6m (±5%)

PHÀO RỜI ỐP NGOÀI



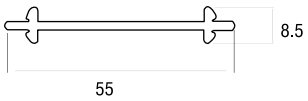
Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	TT-8831
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	0.8 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

HỆ XINGFA GM55

NỐI KHUNG BAO



Quy cách đóng: 10 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8827
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.5 kg/6m (±5%)

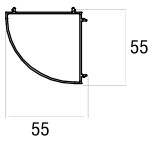
LÁ HỘP



Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8828
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.0 kg/6m (±5%)

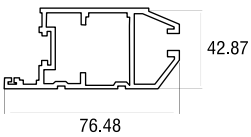
BẺ GÓC 90⁰



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT PMA 8829
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.116 kg/6m(±5%)

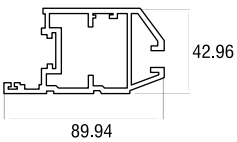
CÁNH CỬA SỔ (CS03)



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT PMA CS03
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.2 kg/6m (±5%)

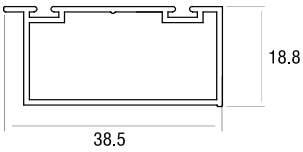
CÁNH CỬA ĐI (CD02)



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT PMA CD02
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	6.0 kg/6m (±5%)

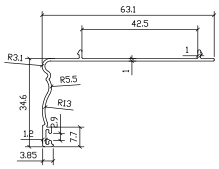
THANH ĐÁY CỬA ĐI



Quy cách đóng: 8 thanh/ bó

Mã số	8821C
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.22 kg/6m(±5%)

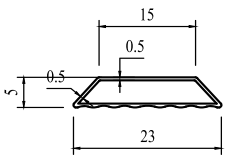
PHÀO KHUNG RỜI



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT - 8831
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.861 kg/6m (±5%)

TRANG TRÍ KÍNH

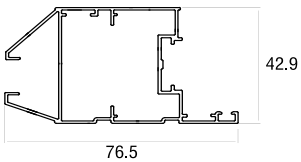


Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	C0555
Độ dày	0.5 ly
Tỷ trọng	0.399 kg/6m(±5%)

HỆ YANGLI

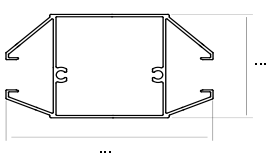
CÁNH CỬA SỔ



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT5 - VW165
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.45 kg/6m(±5%)

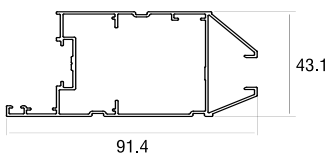
ĐỐ CHIA CÁCH



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT5 - VW166
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.0 kg/6m (±5%)

CÁNH CỬA ĐI



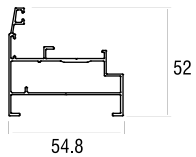
Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	TT5 - VW167
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.1 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

HỆ GD55

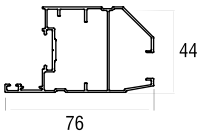
KHUNG BAO CỬA



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	GD 5501
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.6 kg/6m (±5%)

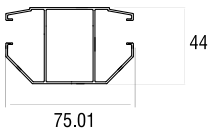
CÁNH CỬA SỔ LIỀN SẬP



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	GD 5502
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.1 kg/6m (±5%)

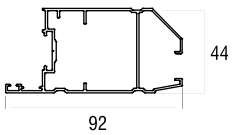
T CHIA CÁNH



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	GD 5504
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.5 kg/6m (±5%)

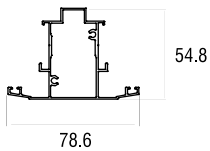
CÁNH CỬA ĐI LIỀN SẬP



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	GD 5505
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.2 kg/6m (±5%)

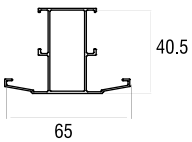
ĐỐ T KHUNG BAO



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	GD 5508A
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.99 kg/6m(±5%)

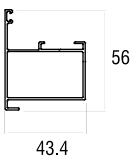
ĐỐ T CÁNH CỬA



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	GD 5509A
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.3 kg/6m (±5%)

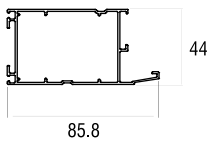
ĐỐ ĐỘNG BẰNG



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	GD 5510
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.3 kg/6m (±5%)

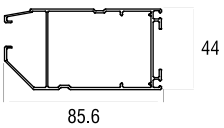
CÁNH CỬA ĐI 450



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	GD 5511
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.1 kg/6m(±5%)

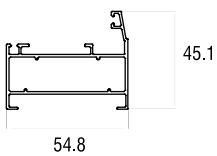
CÁNH CỬA ĐI 450 LIỀN SẬP



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	GD 5512
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	5.2 kg/6m (±5%)

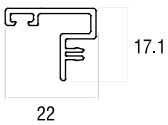
KHUNG BAO CỬA ĐI 450



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	GD 5513
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.84 kg/6m (±5%)

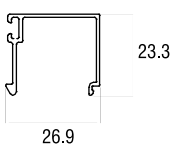
GỜ CÁNH CỬA ĐI 450



Quy cách đóng: 16 thanh/ bó

Mã số	GD 5514
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.02 kg/6m(±5%)

SẬP VUÔNG KHUNG BAO



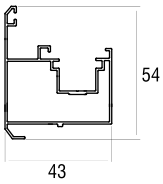
Quy cách đóng: 18 thanh/ bó

Mã số	GD 5518
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.3 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

HỆ GD55

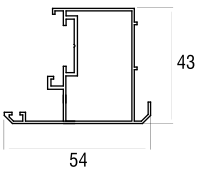
ĐỐ ĐỘNG SÂU



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	GD 5510C
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	3.395 kg/6m (±5%)

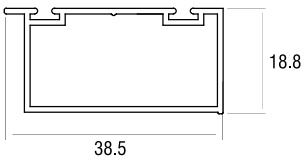
ĐỐ ĐỘNG VỪA



Quy cách đóng: 2 thanh/ bó

Mã số	GD 5510D
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	3.252 kg/6m (±5%)

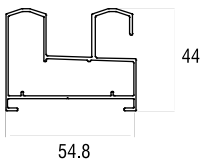
THANH CHẮN ĐÁY CỬA ĐI



Quy cách đóng: 24 thanh/ bó

Mã số	GD 5519
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	0.66 kg/6m(±5%)

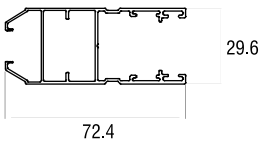
KHUNG BAO CỬA LÙA



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	GD 5520
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	4.0 kg/6m (±5%)

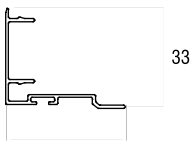
CÁNH CỬA LÙA



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	GD 5521
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	3.8 kg/6m (±5%)

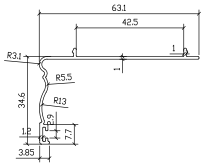
MÓC CÁNH CỬA LÙA



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	GD 5522
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	1.67 kg/6m (±5%)

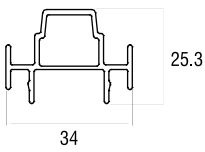
PHÀO RỜI ỐP NGOÀI



Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	TT-8831
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	0.8 kg/6m (±5%)

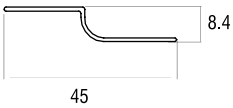
ĐỐI ĐẦU 4 CÁNH LÙA



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	GD 5523
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	1.95 kg/6m (±5%)

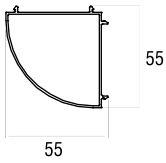
CHẮN NƯỚC LÙA



Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	GD 5524
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	0.75 kg/6m(±5%)

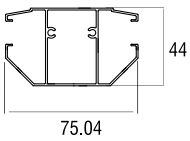
BẺ GÓC 90⁰



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	C3230
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	4.116 kg/6m(±5%)

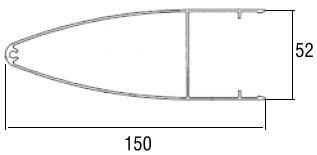
T CHIA CÁNH



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

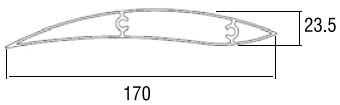
Mã số	GD 5504A
Độ dày	1.0 ly
Tỷ trọng	4.5 kg/6m (±5%)

HỆ LAN CHỚP CHẮN NẮNG



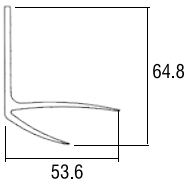
Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	DD2
Độ dày	1.3 ly
Tỷ trọng	8.11 kg/6m(±5%)



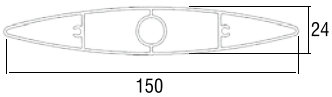
Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	LCN 001
Độ dày	1.3 ly
Tỷ trọng	9.1 kg/6m(±5%)



Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	LCN 002
Độ dày	2.8 ly
Tỷ trọng	5.1 kg/6m(±5%)



Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	LCN 003
Độ dày	1.3 ly
Tỷ trọng	8.8 kg/6m(±5%)

GOLD DOOR

HỆ TỦ NỘI THẤT

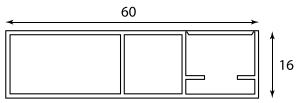




GOLD DOOR

HỆ TỦ NỘI THẤT

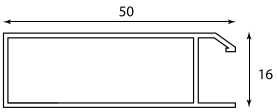
KHUNG BAO NGANG



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	DH 001
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.0 kg/6m (±5%)

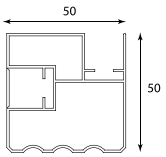
KHUNG BAO TIẾT KIỆM



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	DH 002
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)

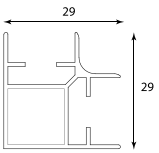
KHUNG BAO ĐỨNG TRƯỚC TO



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	DH 003
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.7 kg/6m (±5%)

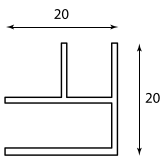
KHUNG BAO ĐỨNG NHỎ



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	DH 031
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.9 kg/6m (±5%)

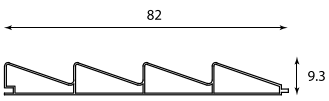
CHUYỂN GÓC BẮT VÍT



Quy cách đóng: 20 thanh/ bó

Mã số	DH 020
Độ dày	0.85 ly
Tỷ trọng	2.1 kg/6m (±5%)

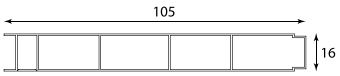
LÁ CHỚP



Quy cách đóng: 5 thanh/ bó

Mã số	DH 013
Độ dày	0.5 ly
Tỷ trọng	2.6 kg/6m (±5%)

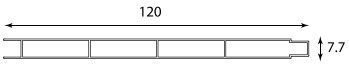
LÁ HỘP 105



Quy cách đóng: 5 thanh/ bó

Mã số	DH 105
Độ dày	0.7 ly
Tỷ trọng	3.9 kg/6m (±5%)

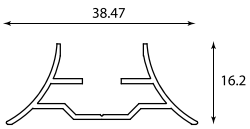
LÁ HỘP 120



Quy cách đóng: 5 thanh/ bó

Mã số	DH 120X7
Độ dày	0.6 ly
Tỷ trọng	2.8 kg/6m (±5%)

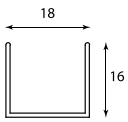
BÁT CHIA Ô, VÁCH



Quy cách đóng: 4 thanh/ bó

Mã số	DH 030
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.35 kg/6m(±5%)

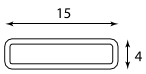
U BỊT CHIA ĐỢT



Quy cách đóng: 30 thanh/ bó

Mã số	DH 011
Độ dày	0.9 ly
Tỷ trọng	0.8 kg/6m (±5%)

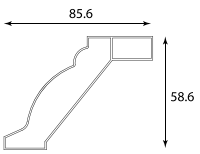
NAN TRANG TRÍ



Quy cách đóng: 50 thanh/ bó

Mã số	DH 033
Độ dày	0.7 ly
Tỷ trọng	0.42 kg/6m(±5%)

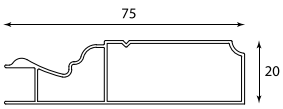
PHÀO NÓC TỦ



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	DH 035
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.9 kg/6m (±5%)

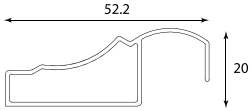
CÂY CÁNH TO



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	DH 042
Độ dày	0.85 ly
Tỷ trọng	3.2 kg/6m(±5%)

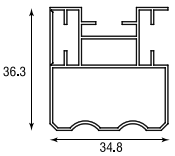
PHÀO BO



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	DH 032
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.01 kg/6m(±5%)

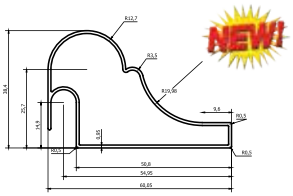
KHUNG BAO ĐỨNG TRƯỚC NHỎ



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	DH 1712
Độ dày	0.8 ly
Tỷ trọng	3.11 kg/6m (±5%)

PHÀO CẢI TIẾN



Quy cách đóng: 6 thanh/ bó

Mã số	DH 034
Độ dày	0.8 ly
Tỷ trọng	3.11 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

HỆ CHẤN SONG CỬA SỔ

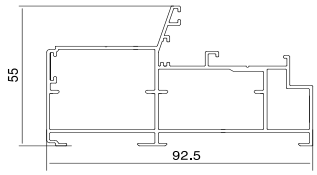




GOLD DOOR

HỆ CHẤN SONG CỬA SỔ

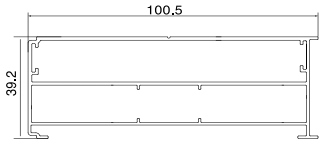
KHUNG CHÍNH



Quy cách đóng: 2 thanh/bó

Mã số	TT-CS01
Độ dày	1.2 mm
Tỷ trọng	7.564 kg/6m (±5%)

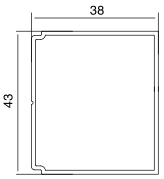
HỘP NỐI KHUNG



Quy cách đóng: 2 thanh/bó

Mã số	TT-CS08
Độ dày	1.2 mm
Tỷ trọng	7.148 kg/6m (±5%)

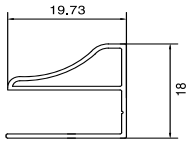
HỘP CHIA VÁCH



Quy cách đóng: 6 thanh/bó

Mã số	TT-CS09
Độ dày	1.2 mm
Tỷ trọng	3.028 kg/6m (±5%)

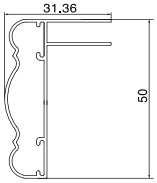
PHÀO U



Quy cách đóng: 20 thanh/bó

Mã số	TT-CS04
Độ dày	0.8 mm
Tỷ trọng	0.955 kg/6m (±5%)

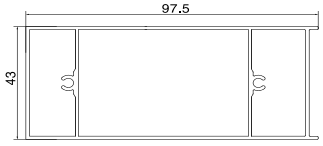
PHÀO NẸP



Quy cách đóng: 10 thanh/bó

Mã số	TT-CS05
Độ dày	0.9 mm
Tỷ trọng	2.329 kg/6m (±5%)

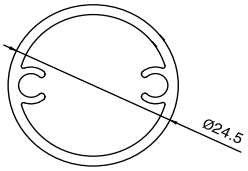
NỐI VÁCH



Quy cách đóng: 2 thanh/bó

Mã số	TT-CS06
Độ dày	1.2 mm
Tỷ trọng	7.204 kg/6m (±5%)

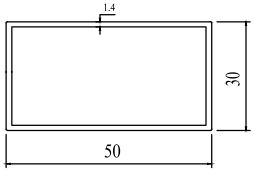
THANH CHẤN SONG



Quy cách đóng: 10 thanh/bó

Mã số	TT-CS07
Độ dày	1.5 mm
Tỷ trọng	2.021 kg/6m (±5%)

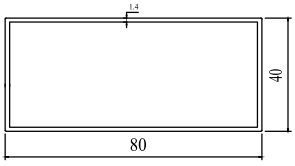
HỘP TRANG TRÍ 30 x 50



Quy cách đóng: 4 thanh/bó

Mã số	30 x 50
Độ dày	1.4 mm
Tỷ trọng	3.5 kg/6m (±5%)

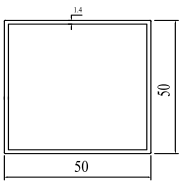
HỘP TRANG TRÍ 40 x 80



Quy cách đóng: 2 thanh/bó

Mã số	40 x 80
Độ dày	1.4 mm
Tỷ trọng	5.32 kg/6m (±5%)

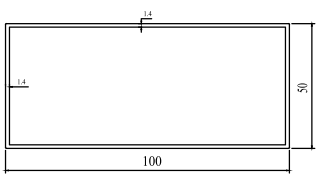
HỘP TRANG TRÍ 50 x 50



Quy cách đóng: 4 thanh/bó

Mã số	50 x 50
Độ dày	1.4 mm
Tỷ trọng	4.41 kg/6m (±5%)

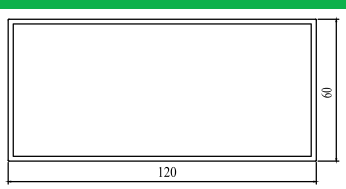
HỘP TRANG TRÍ 50 x 100



Quy cách đóng: 2 thanh/bó

Mã số	50 x 100
Độ dày	1.4 mm
Tỷ trọng	6.7 kg/6m (±5%)

HỘP TRANG TRÍ 60 x 120



Quy cách đóng: 2 thanh/bó

Mã số	60 x 120
Độ dày	2.0 mm
Tỷ trọng	11.4 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

HỆ VIỆT PHÁP





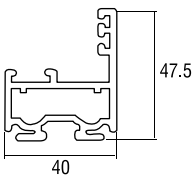




GOLD DOOR

HỆ VIỆT PHÁP 4400

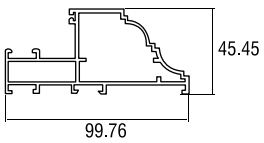
KHUNG BAO HÈM



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-F4420
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.902 - 4.330 kg/6m (±5%)

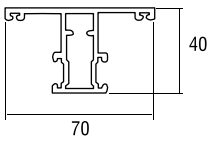
KHUNG BAO HÈM



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4420A
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.9 - 5.3 kg/6m (±5%)

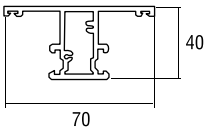
T44



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-F4405
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.4 - 3.6 kg/6m (±5%)

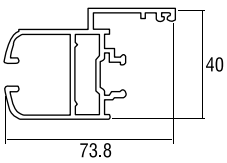
T44A



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-F4405A
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.8 - 4.0 kg/6m (±5%)

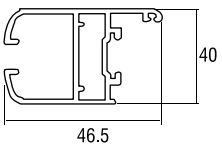
CÁNH HÈM



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-F4482A
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.9 - 4.0 kg/6m (±5%)

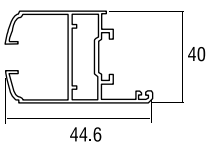
CÁNH HÈM



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4410A
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.3 - 3.5 kg/6m (±5%)

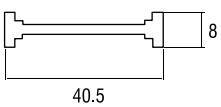
CÁNH HÈM



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4410V
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.3 - 3.5 kg/6m (±5%)

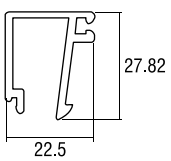
THANH NỐI T



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-W111
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.2 - 1.4 kg/6m (±5%)

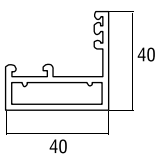
SẬP TO



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-5016
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.15 - 1.3 kg/6m (±5%)

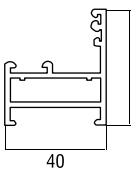
KHUNG BAO KHÔNG CHÂN



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4402
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.3 - 2.5 kg/6m (±5%)

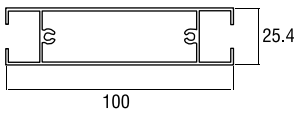
KHUNG BAO CÓ CHÂN



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4402A
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.6 - 2.8 kg/6m (±5%)

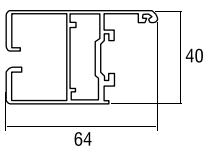
THANH NGANG NHỎ



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-7054
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.2 - 3.6 kg/6m (±5%)

CÁNH HÈM



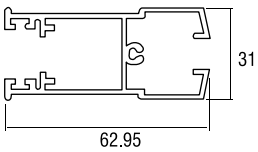
Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4410C
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.47 - 3.9 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

HỆ VIỆT PHÁP 2600

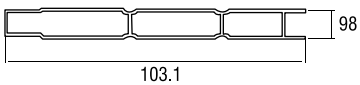
BÁNH XE



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-2606A
Độ dày	... ly
Tỷ trọng	3.1 - 3.4 kg/6m(±5%)

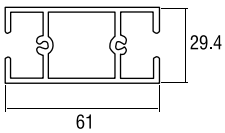
LÁ HỘP



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4432
Độ dày	... ly
Tỷ trọng	1.6 - 2.3 kg/6m(±5%)

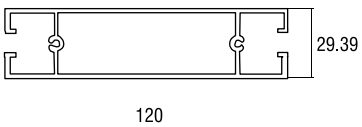
THANH GIỮA BẢN NHỎ



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-2656A
Độ dày	... ly
Tỷ trọng	3.5 - 3.7 kg/6m(±5%)

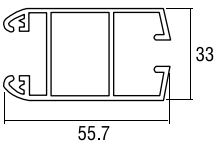
THANH NGANG LỚN



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-2672A
Độ dày	... ly
Tỷ trọng	5.1 - 5.4 kg/6m(±5%)

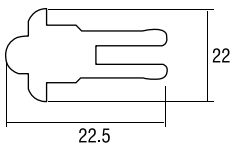
CÁNH TRƠN



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-2688A
Độ dày	... ly
Tỷ trọng	3.2 - 3.5 kg/6m(±5%)

RAY ĐƠN



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-3303
Độ dày	... ly
Tỷ trọng	0.6336 - 0.8448 kg/6m(±5%)

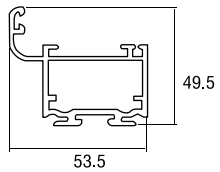




GOLD DOOR

HỆ VIỆT PHÁP 4500

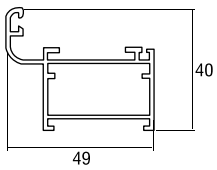
KHUNG BAO HÈM



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-450
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	3.8 - 4.2 kg/6m (±5%)

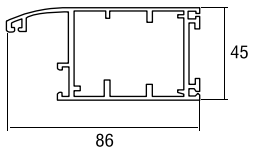
KHUNG BAO HÈM



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-450A
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	2.8 - 3.1 kg/6m (±5%)

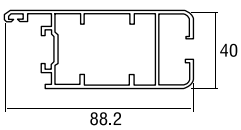
CÁNH LỚN



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4451
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.5 - 4.8 kg/6m (±5%)

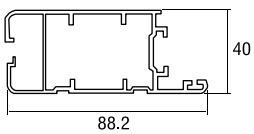
CÁNH LỚN



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4451A
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.2 - 4.5 kg/6m (±5%)

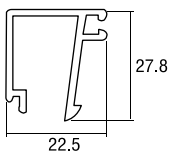
CÁNH LỚN



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4451B
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	4.25 - 4.6 kg/6m (±5%)

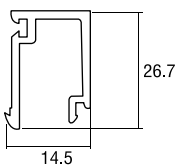
SẬP



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-5016
Độ dày	1ly
Tỷ trọng	1.15 - 1.3 kg/6m (±5%)

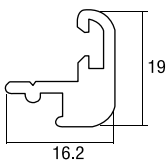
SẬP



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-5026
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.27 - 1.37 kg/6m (±5%)

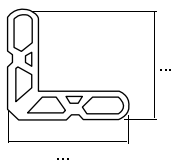
HÈM



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4504
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	1.0 - 1.19 kg/6m (±5%)

KE GÓC

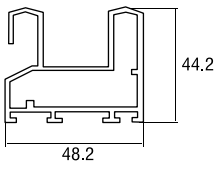


Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TT-4500
Độ dày	1 ly
Tỷ trọng	6.0 - 7.0 kg/6m (±5%)

HỆ LÙA VIỆT Ý

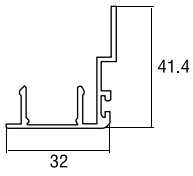
KHUNG CỬA LÙA



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TTVY-4821
Độ dày	... ly
Tỷ trọng	3.5 - 3.6 kg/6m (±5%)

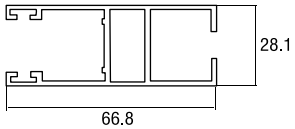
MÓC CỬA LÙA



Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TTVY-4822
Độ dày	... ly
Tỷ trọng	1.45 - 1.6 kg/6m (±5%)

CÁNH CỬA LÙA

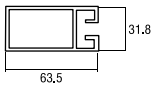
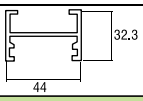
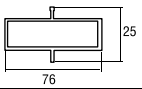
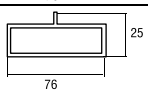
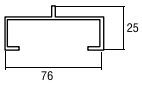
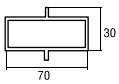
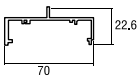
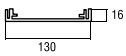
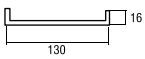
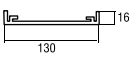
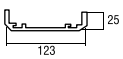
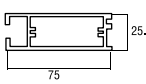
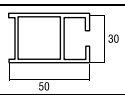
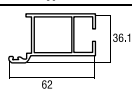
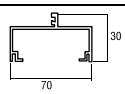
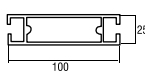


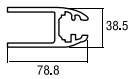
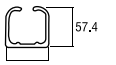
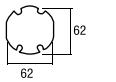
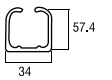
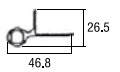
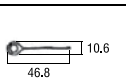
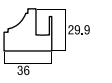
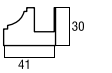
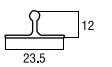
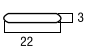
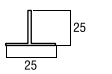
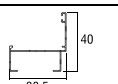
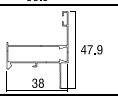
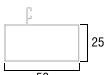
Quy cách đóng: ... thanh/ bó

Mã số	TTVY-4824
Độ dày	... ly
Tỷ trọng	3.1 - 3.3 kg/6m (±5%)

GOLD DOOR

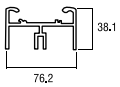
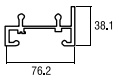
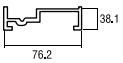
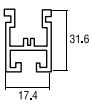
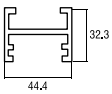
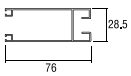
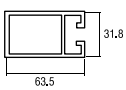
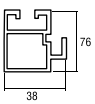
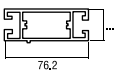
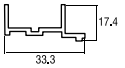
HỆ NHÔM PHỔ THÔNG

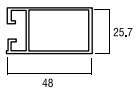
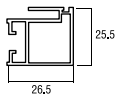
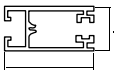
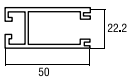
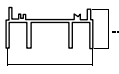
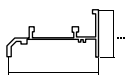
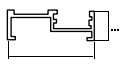
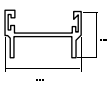
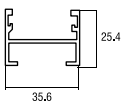
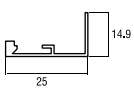
TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (±5%)
HỆ CỬA 90					
1	TT-9001		ĐỨNG TRƠN CỬA LÙA 90	0.52	2.0
2	TT-9008		H CỬA LÙA 90	0.65	1.3
HỆ CỬA 70					
3	TT-7011		HỘP 25x76 HAI TAI	0.6	2.4
4	TT-7012		HỘP 25x76 MỘT TAI	0.6	2.04
5	TT-7019		ĐỨNG HỞ	0.6	2.1
6	TT-7005B		NGANG TRÊN, DƯỚI CỬA AM	0.6	2.15
7	TT-7109		ĐỨNG KHUNG BAO	0.6	1.85
HỘP ĐÈN					
8	TT-0018		HỘP ĐÈN VUÔNG	0.6	2.1
9	TT-0018A		HỘP ĐÈN VUÔNG KHÔNG GỜ	0.6	1.9
10	TT-0018B		HỘP ĐÈN VUÔNG CÓ GỜ	0.6	1.7
11	TT-0018C		HỘP ĐÈN TRÒN KHÔNG GỜ	0.6	2.4
HỆ CỬA AM					
12	TT-7051		NGANG TRÊN DƯỚI CỬA ĐI AM	0.51	2.25
13	TT-7052		ĐỐ TRƠN CỬA ĐI AM	0.6	1.7
14	TT-7053		ĐỐ MÓC CỬA ĐI AM	0.53	1.8
15	TT-7002		KHUNG BAO CỬA ĐI AM	0.6	1.85
16	TT-7054		NGANG GIỮA CỬA ĐI AM	0.6	3.204

TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (±5%)
CÁC LOẠI NHÔM CẤU THÀNH KHÁC					
17	TT-4622		KẸP KÍNH VÁT	2.0	9.0
18	TT-0091		TREO RÈM	2.0	1.77
19	TT-0152		ỐNG TRÒN MÁI HIÊN	...	2.6
20	TT-0091D			2.7	3.8
21	TT-0015A		BẢN LỀ	1.4	2.0
22	TT-0015B		BẢN LỀ	1.5	1.9
23	TT-0003		PHÀO BẰNG	0.51	1.15
24	TT-TH03B		PHÀO BẰNG	0.5	1.29
25	TT-20621		RAY ĐƠN	1.0	0.97
26	TT-5015A		LẬP LÀ 22 DÀY 3	3.0	1.1
27	TT-001		T25	0.64	0.52
28	TT-3801		--	0.6	1.134
29	TT-3803		--	0.6	1.134
30	TT-1017B		--	0.64	1.482

GOLD DOOR

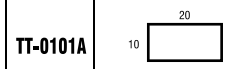
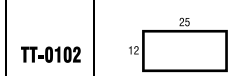
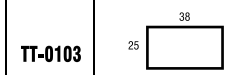
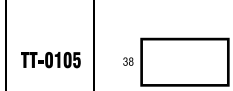
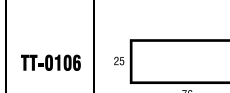
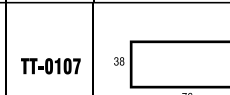
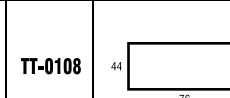
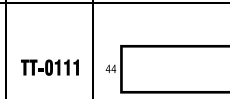
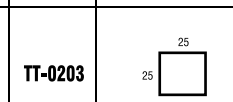
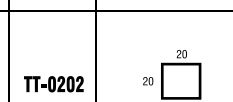
HỆ NHÔM PHỔ THÔNG

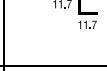
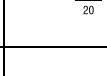
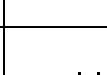
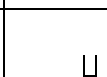
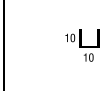
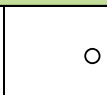
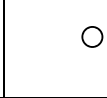
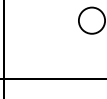
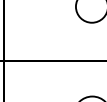
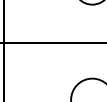
TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (±5%)
HỆ CỬA LÙA 76					
31	TT9001		RAY TRÊN	0.9	4.1
32	TT9002		RAY DƯỚI	1.0	3.8
33	SLD9003		CHỮ Z	1.0	2.6
34	SLD9004		NGANG TRÊN	1.0	2.5
35	SLD9005		CHỮ H	0.65	1.3
36	SLD902		NGANG DƯỚI	0.65	2.4
37	SLD90001		ĐỐ ĐỨNG	0.52	2.1
38	SLD9008		THANH MÓC	1.0	3.1
39	SLD9009		NGANG GIỮA	1.0	4.1
40	SLD9029		THANH KHUNG BAO CỬA LÙA KẾT HỢP VÁCH 76	1.0	1.7

TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (±5%)
HỆ CỬA 70A					
41	TT-70101		ĐỨNG TRƠN 70A	0.44	1.25
42	TT-70102		ĐỨNG MÓC 70A	0.6	1.54
43	TT-70103		NGANG TRÊN 70A	0.5	1.75
44	TT-70104		NGANG DƯỚI 70A	0.7	1.6
45	TT-70105		RAY TRÊN 70A	0.7	2.5
46	TT-70106		RAY DƯỚI 70A	0.7	2.0
47	TT-70107		Z 70A	0.7	1.8
48	TT-70108		H CỬA LÙA 70A	0.7	1.3
49	TT-70208		H 70B	0.45	0.95
50	TT-0071		BÁM 25	0.35	0.4
51	TT-0072		ĐẾ 25	0.56	0.6

GOLD DOOR

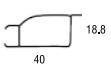
HỆ TỦ KÍNH VÀ CẤU THÀNH

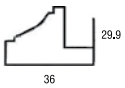
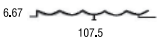
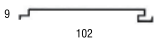
TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (±5%)
HỆ HỘP					
52	TT-0101A		HỘP 10x20	0.36	0.5
53	TT-0101B		HỘP 12x20	0.4	0.42
54	TT-0102		HỘP 12x25	0.39	0.45
55	TT-0103		HỘP 25x38	0.43	0.8
56	TT-0104		HỘP 25x50	0.48	1.15
57	TT-0105		HỘP 38x50	0.5	1.45
58	TT-0106		HỘP 25x76	0.53	1.8
59	TT-0107		HỘP 38x76	0.5	3.9
60	TT-0108		HỘP 44x76	0.57	2.2
61	TT-0111		HỘP 44x100	1.1	5.05
62	TT-0203		HỘP 25x25	0.41	0.63
63	TT-0202		HỘP 20x20	0.5	0.65

TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (±5%)
HỆ U VÀ V					
64	TT-0301		V10	0.5	0.165
65	TT-0302		V12	0.475	0.5
66	TT-0303		V20	0.72	0.46
67	TT-0304		...	...	...
68	TT-0504		U12	0.49	0.3
69	TT-0032		U 7*12	0.42	0.38
70	TT-0502		U10	0.39	0.3
71	TT-20629		U 7*10	...	...
HỆ ỐNG TRÒN				SỐ LƯỢNG	ĐÓNG GÓI
72	TT-0007		PHI 8	50 thanh	Bó tròn
73	TT-0008		PHI 12	30 thanh	Bó tròn
74	TT-0601		PHI 16	30 thanh	Bó tròn
75	TT-0602		PHI 19	20 thanh	Bó tròn
76	TT-0602B		PHI 22	20 thanh	Bó tròn
77	TT-0604		PHI 25	20 thanh	Bó tròn

GOLD DOOR

HỆ TỦ KÍNH VÀ CẤU THÀNH

TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (±5%)
HỆ TỦ KÍNH VÀ CẤU THÀNH					
78	TT-20624		CÁNH TỦ KHÔNG GỜ	0.44	0.5
79	TT-0009		CÁNH TỦ CÓ GỜ	0.37	0.57
80	TT-9753		CÁNH TỦ THẲNG CÓ GỜ	0.45	0.65
81	TT-9754		CÁNH TỦ THẲNG Ko GỜ	0.45	0.68
82	TT-0004		BO TỦ HAI RÃNH	0.45	1.1
83	TT-0004C		BO TỦ HAI RÃNH CÓ CHỈ	0.4	0.9
84	TT-0005		CÁNH TỦ LỚN Ko GỜ	0.4	0.9
85	TT-0005B		CÁNH TỦ LỚN CÓ GỜ	0.4	0.78
86	TT-0074		ĐẾ 38	0.64	0.7
87	TT-3806		BÁM 38	0.55	0.47

TT	MÃ SỐ	MẶT CẮT	TÊN GỌI THÔNG DỤNG	LOẠI S	
				CHIỀU DÀY	TRỌNG LƯỢNG (±5%)
HỆ TỦ KÍNH VÀ CẤU THÀNH					
88	TT-0011		THANH E	0.49	0.45
89	TT-0003		...	0.51	1.15
90	TT-0072		...	0.56	0.45
91	TT-0015		...	0.46	0.9
92	TT-4221		...	0.58	0.864
93	TT-0014		...	0.59	1.15
94	TT-1017A		...	0.55	1.25
95	E38		...	0.55	0.74
96	E25		...	0.49	0.45
97	TT-LH01		LÁ PHẲNG	0.5	2.05

MỤC LỤC

Giới thiệu sản phẩm Gold door - Dunica - Nhôm Chất Lượng Cao, Chống Ồn, Cách Nhiệt, Tiết Kiệm, Trường Tồn với Thời Gian 5
HỆ XINGFA GOLD DOOR LIỀN SẬP 7
HỆ CHẤN SONG KHUÔN KÉP CÁNH LỀ 4D, 3D 8
XINGFA TRUONG THANH 9
XINGFA TRUONG THANH 10
HỆ LÙA XINGFA 11
HỆ LÙA 93 12
HỆ MẶT DỰNG 52 13
HỆ MẶT DỰNG 65 13
HỆ MẶT DỰNG 65 14
HỆ MẶT DỰNG 1100 15
TRUONG THANH ALUMINUM 16
HỆ THỦY LỰC CAO CẤP 17
HỆ XINGFA GM 55 18
HỆ XINGFA GM55 19
HỆ YANGLI 19
HỆ GD55 20
HỆ GD55 21
HỆ LAN CHỚP CHẮN NẮNG 21
HỆ TỦ NỘI THẤT 22
HỆ TỦ NỘI THẤT 23
HỆ CHẤN SONG CỬA SỔ 24
HỆ CHẤN SONG CỬA SỔ 25
HỆ VIỆT PHÁP 26
HỆ VIỆT PHÁP 4400 27
HỆ VIỆT PHÁP 2600 28
HỆ VIỆT PHÁP 4500 29
HỆ LÙA VIỆT Ý 29
HỆ NHÔM PHỔ THÔNG 30
HỆ NHÔM PHỔ THÔNG 31
HỆ RAY LÙA KÍNH TỰ ĐỘNG 12
HỆ TỦ KÍNH VÀ CẤU THÀNH 32
HỆ TỦ KÍNH VÀ CẤU THÀNH 33

GOLD DOOR

TRUONG THANH ALUMINUM

SONG HÀNH HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

GOLD DOOR-DUNICA

* NHÔM SƠN TĨNH ĐIỆN CÁC MÀU: TRẮNG SỨ, ĐEN, NÂU CAFE, CÁT CHÁY, GHI ĐẬM, NHẠT
* NHÔM SƠN TĨNH ĐIỆN PHỦ PHIM VÂN GỖ: ZONGKAI, GỖ ĐỎ ĐẬM, NHẠT, GỖ CHẮC...

"Giữ trọn mái ấm gia đình Việt"